

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 25/03/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		GTCl+BK16+TD2	7:25	16+6+0	0+0+0		13+4+4	0+0+0	
2		P10+P5+AMD	7:25	7+0+14	0+0+0		3+1+15	0+0+0	
3		PPD+P3+TTCl	7:25	16+2+4	0+0+0		16+2+4	0+0+0	
4		CTK3	9:25	22	0		22	0	
5		TD5+PPD+BK10	9:25	4+16+0	0+0+0		0+14+7	0+0+0	
6		RP3+RC4+RCDM	9:25	18+0+0	0+0+0		9+5+1	0+0+0	chuyen 2 rc4-rcdm
7		RC5+CLO+CTK3	11:25	6+4+6	0+0+0		4+12+6	0+0+0	
8		CTK3+BK16+GTCl	11:25	18+2+0	0+0+0		10+6+5	0+0+0	chuyen 2 ctk3-bk16

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày GTCl-4ng, BK16-3ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/03/2025	TO: GTC1 - BK16 - TD2	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: LHM - ĐỨC - DÙNG	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HOANG XUAN HIEU	GTC1	11	1	6	1	20	62	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN HUU TAN	GTC1	13	1	9			75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN HIEU TRUNG	GTC1	12	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐANG TRAN KHANH	GTC1	20	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI TRONG HOI	GTC1	17	1	14			64	KH-THAC	Vietnamese
6	LE TRI NANG	GTC1	10	1	9			74	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐO HONG SON	GTC1						70	D-HANH	Vietnamese
8	NGUYEN NAM THAI	GTC1						65	D-HANH	Vietnamese
9	TRAN VINH PHUONG	GTC1						65	KH-THAC	Vietnamese
10	HO NGOC HUNG	GTC1						76	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN DUONG	GTC1	21-22	2	17			68	CODIEN	Vietnamese
12	ĐO THANH TUNG	GTC1	23-24	2	10	1	18	70	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYEN THANH DANH	GTC1	15-16	2	14			56	CODIEN	Vietnamese
14	VU QUY TRUONG	GTC1	18-19	2	16			72	CODIEN	Vietnamese
15	CAO KINH THAO	GTC1	08-09	2	20			72	T-TIN	Vietnamese
16	LE QUANG HA	GTC1	14	1	3			80	PSV	Vietnamese
17	LUU VAN SON	BK16	01,07	2	11	1	20	70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN LIEU	BK16	03	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
19	VU DINH CHIEN	BK16	02	1	5			73	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN TRUONG GIANG	BK16						75	DVL	Vietnamese
21	NGUYEN VAN TUAN	BK16						80	DVL	Vietnamese
22	LE TRUONG SA (XNKT)	BK16						70	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	GTC1	16	1.123	17	127	2	38	13		
2	BK16	6	443	4	20	1	20	4		
3	TD2	0	0	0	0	3	40	5		
TOTAL		22	1.566	21	147	6	98	22		
WEIGHT KG			1.566		147		98			

GRAND TOAL: 1.811 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/03/2025	TO: P10 - P5 - AMD	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - NPHÚ -	ETA: 09:20
XANH-1		QTRƯỜNG	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ CHÍ HIỆU	P10	01	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN TUYỆT	P10	30	1	10			75	DVL	Vietnamese
3	VŨ TRƯỜNG GIANG	P10	31	1	12	3	50	70	DVL	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN TIẾP	P10	34-35	2	19			77	DVL	Vietnamese
5	PHẠM VĂN CƯỜNG	P10	32-33	2	18			86	DVL	Vietnamese
6	PHẠM VĂN SANG	P10	02-03	2	15			68	DVL	Vietnamese
7	VŨ ANH TRỌNG	P10	36	1	12			68	DVL	Vietnamese
8	HY TẠC SANG	AMD	55-56	2	14			70	TLJOC	Vietnamese
9	ĐỖ ĐỨC THỊNH	AMD	03	1	8			65	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐÀO MINH TUẤN	AMD	11	1	5			90	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN NAM TRUNG	AMD	07	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN THỊN	AMD	51	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN VINH	AMD	05	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
14	TÀNG VĂN BA	AMD	10	1	8			77	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VĂN THUY	AMD	54	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ VĂN TRƯỜNG	AMD	06	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN LÊ DUY LÊ	AMD	04	1	7			81	KH-THAC	Vietnamese
18	DƯƠNG PHÁT	AMD	01-02	2	14			79	KH-THAC	Vietnamese
19	HOÀNG ĐÌNH VINH	AMD	52-53	2	15			67	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN LƯƠNG HÀ NAM	AMD	08-09	2	10			77	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN HỮU CƯỜNG	AMD	12-13	2	11			70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P10	7	517	10	92	3	50	3		
2	P5	0	0	0	0	1	9	1		
3	AMD	14	1.018	19	117	0	0	15		
TOTAL		21	1.535	29	209	4	59	19		
WEIGHT KG			1.535		209		59			

GRAND TOAL: 1.803 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/03/2025	TO: PPD - P3 - TTC1	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: HUNG - N.CUONG - VU	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN ĐỨC KHANG	PPD	77	1	6	1	20	79	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN MẠNH CUONG	PPD	85	1	5			79	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN GIANG	PPD	80	1	4			56	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG NHẬT QUANG	PPD	83	1	3			72	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN VĂN THẮNG	PPD	87	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN HIEN	PPD	72	1	12			56	XAYLAP	Vietnamese
7	HOANG VĂN SỬU	PPD	73	1	7			79	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN THANH QUANG	PPD						78	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC DU	PPD	87	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
10	PHI DUY HOAN	PPD	82	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐÌNH TUAN	PPD	74	1	9			57	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VĂN MẠNH	PPD	76	1	6			50	KH-THAC	Vietnamese
13	TRƯƠNG TUÂN HUNG	PPD	78	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
14	K LY	PPD	81	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN KHÁC LAM	PPD	75	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐỨC DUNG	PPD	79	1	8			101	KH-THAC	Vietnamese
17	LUONG HUU HAU	P3	09	1	12	3	55	87	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐO TRỌNG LƯỢNG	P3	07-08	2	20			62	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN ĐÌNH HUNG	TTC1	15	1	9	2	30	70	XAYLAP	Vietnamese
20	HOANG QUỐC VIỆT	TTC1	16	1	9			73	XAYLAP	Vietnamese
21	NGÔ THANH NAM	TTC1	17	1	11	1	14	68	XAYLAP	Vietnamese
22	THAI ĐỨC DUNG	TTC1	19	1	10			82	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	PPD	16	1.129	15	89	1	20	16		
2	P3	2	149	3	32	3	55	2		
3	TTC1	4	293	4	39	3	44	4		
TOTAL		22	1.571	22	160	7	119	22		
WEIGHT KG			1.571		160		119			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

VNH REP/

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/03/2025	TO: CTK3	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:59
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: LHM - ĐC - ĐC	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHAM MINH TUAN	CTK3	90-91	2	13			76	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN ANH TUAN	CTK3	94-95	2	7			84	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM THANH HAI (10749)	CTK3	98-99	2	11			72	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN ANH ĐC	CTK3	03	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN NGOC HIEU	CTK3	02	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
6	TO TRONG TUAN	CTK3	600	1	7	1	17	87	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN HIEU	CTK3	12	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐINH VAN THONG	CTK3	92-93	2	10			72	KH-THAC	Vietnamese
9	LE MINH HIEU	CTK3	13-14	2	12			71	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN MANH HUNG	CTK3	06	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI CONG THANG	CTK3	07	1	6			60	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM CONG UOC	CTK3	09	1	2			73	KH-THAC	Vietnamese
13	NGO DINH THAM	CTK3	04-05	2	11			61	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM VAN DIEM	CTK3	08	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
15	VO MAU MEN	CTK3	89	1	9			76	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN NHAN KHANH	CTK3	86-87	2	15	1	20	70	KH-THAC	Vietnamese
17	TRUONG QUOC BAO	CTK3	96-97	2	8			57	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN TRUNG KIEN	CTK3						74	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN TRONG PHUONG NAM	CTK3	11	1	9			72	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN ĐC BAU	CTK3	88	1	8			58	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN MINH DIEN	CTK3	01	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN TRUNG THANH	CTK3	10	1	7			84	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CTK3	22	1.574	29	163	2	37	22		
TOTAL		22	1.574	29	163	2	37	22		
WEIGHT KG			1.574		163		37			

GRAND TOAL: 1.774 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/03/2025	TO: TD5 - PPD - BK10	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - NPHÚ -	ETA: 11:40
XANH-2		QTRƯỜNG	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐỖ BA NAM	TD5	53-54	2	12	2	35	87	ANTOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN TRUNG THANH	TD5	55	1	9	1	20	70	ANTOAN	Vietnamese
3	VU VĂN DỤC	TD5	57-58	2	14			68	ANTOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN HỮU VIỆT	TD5	52	1	8			71	ANTOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	PPD	42	1	4	3	49	85	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH BÌNH	PPD	47	1	9	1	5	89	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TRƯỜNG GIA TRI	PPD	800	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN KHẮC THẾ	PPD	41	1	10			55	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN NHÂN	PPD	40	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG MINH TRI	PPD	66	1	5			86	KHI	Vietnamese
11	TÔNG NGUYỄN NAM	PPD	64-65	2	12			83	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN LONG	PPD	36	1	10			77	KHI	Vietnamese
13	BUI XUÂN ĐIẾP	PPD	46	1	7			65	PSV	Vietnamese
14	PHẠM VIỆT HOANG	PPD	50	1	3			50	PSV	Vietnamese
15	LÊ TIẾN LỢI	PPD	49	1	3			70	PSV	Vietnamese
16	VU THE LIEN	PPD	72	1	5			67	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐÌNH LAM	PPD	43-44	2	13			79	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG TÂN NGHĨA	PPD	99	1	5			67	PSV	Vietnamese
19	PHẠM VĂN GIANG	PPD	45	1	5			62	PSV	Vietnamese
20	TRẦN VĂN THUẬT	PPD	48	1	3			69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD5	4	296	6	43	3	55	0		
2	PPD	16	1.148	18	104	4	54	14		
3	BK10	0	0	0	0	1	20	7		
TOTAL		20	1.444	24	147	8	129	21		
WEIGHT KG			1.444		147		129			

GRAND TOAL: 1.720 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/03/2025	TO: RP3 - RC4 - RCDM	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: HUNG - N.CUONG - VU	ETA: 11:45
cam-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ PHÚC HOÀNG	RP3	25	1	16			83	XAYLAP	Vietnamese
2	PHẠM VĂN VUI	RP3	23-24	2	15			61	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN MINH HOÀNG	RP3	22	1	11			70	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN VĂN SƠN	RP3	13	1	11			66	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN PHÚ NAM	RP3	12	1	11			62	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM XUÂN THIÊN	RP3	99	1	10			61	XAYLAP	Vietnamese
7	VÕ VĂN HOÀI	RP3	18	1	12			67	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐẶNG HUY CẬN	RP3	19	1	12			61	XAYLAP	Vietnamese
9	PHẠM VĂN SẮC	RP3	20-21	2	16			68	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN QUANG CHUNG	RP3	09	1	17			58	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC CHUNG	RP3	10-11	2	17			59	XAYLAP	Vietnamese
12	PHẠM VĂN QUYÊN	RP3	26	1	15			72	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN TIẾN ĐỀ	RP3	14-15	2	20			53	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐẶNG VĂN NAM	RP3	16-17	2	17			77	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN CUÔNG	RP3	05-06	2	19			78	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU HOÀNG	RP3	07-08	2	19	1	15	68	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ HỮU CUÔNG	RP3	28-29	2	18			76	XAYLAP	Vietnamese
18	VÕ TÁ HOÀN	RP3	03-04	2	19			69	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	18	1.209	27	275	1	15	9		
2	RC4	0	0	0	0	1	15	5	2	CHUYEN 2 PAX RC4-RCDM
3	RCDM	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		18	1.209	27	275	2	30	15		
WEIGHT KG			1.209		275		30			

GRAND TOAL: 1.514 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/03/2025	TO: RC5 - CLO - CTK3	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: VIỆT - SƠN - HIẾU	ETA: 14:00
XANH 3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRINH HUU CAN	RC5	05	1	16			71	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN QUOC KHOI	RC5	06-07	2	17			68	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐINH VĂN TÂM	RC5	08	1	11	2	32	65	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN TUẤN ANH	RC5	09	1	11			94	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HAI ĐĂNG	RC5	03	1	9	1	14	82	DVL	Vietnamese
6	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RC5	01-02	2	18			65	DVL	Vietnamese
7	TRẦN VĂN THANH	CLO	26	1	8	9	124	62	SEAMAP	Vietnamese
8	PHẠM HAI ĐĂNG	CLO	23	1	10			69	SEAMAP	Vietnamese
9	PHẠM TẤT LỰC	CLO	25	1	5			71	KHOAN	Vietnamese
10	KHAZEYEV DENIS	CLO	24	1	8			80	VTB	Russian
11	LÊ NGUYỄN HOÀNG LONG	CTK3	42	1	15			94	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	CTK3	44-45	2	8			72	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI THANH HOẠT	CTK3	43	1	11			67	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐINH ĐỨC TRUNG	CTK3	49-50	2	19			91	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TUẤN ANH	CTK3	47-48	2	16			63	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG MẠNH	CTK3	46	1	4			55	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RC5	6	445	8	82	3	46	4		
2	CLO	4	282	4	31	9	124	12		
3	CTK3	6	442	9	73	0	0	6		
TOTAL		16	1.169	21	186	12	170	22		
WEIGHT KG			1.169		186		170			

GRAND TOTAL: 1.525 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/03/2025	TO: CTK3 - BK16 - GTC1	AIRCRAFT: 416	ETD: 12:20
FLIGHT: 008	FROM: VT	CREW: VTHU - ĐỨC - DỮNG	ETA: 14:10
cam-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN TIỀN DUÂN	CTK3	81-82	2	10			65	CODIEN	Vietnamese
2	LƯU QUANG ĐẠT	CTK3	63-64	2	12			71	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN LÊM	CTK3	73-74	2	15			68	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN TRUNG PHONG	CTK3	72	1	13			68	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	CTK3	61-62	2	17			65	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN QUANG ANH	CTK3	75-77	3	19			92	CODIEN	Vietnamese
7	TRẦN VĂN ĐOÀN	CTK3	78	1	13			76	XAYLAP	Vietnamese
8	BUI VĂN DUNG	CTK3	79-80	2	19			62	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG ĐẠI	CTK3	57	1	15	2	26	67	XAYLAP	Vietnamese
10	LƯU SÙNG BA	CTK3	59-60	2	8			62	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM VĂN TỰ	CTK3	69	1	6			59	PSV	Vietnamese
12	ĐỖ ĐĂNG THANH	CTK3	71	1	2			66	PSV	Vietnamese
13	LÊ ĐẮC NHÀ	CTK3	70	1	5			62	PSV	Vietnamese
14	LÊ CÔNG VÂN	CTK3	67	1	6			68	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC TUÂN	CTK3	83	1	5			74	PSV	Vietnamese
16	LÊ DUY HAI	CTK3	68	1	4			75	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN KIM NIÊN	CTK3	66	1	8			58	PSV	Vietnamese
18	LÊ VĂN MINH	CTK3	65	1	5			64	PSV	Vietnamese
19	PHẠM VĂN HÀ	BK16	04	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VIỆT TIÊN	BK16	05	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CTK3	18	1.222	26	182	2	26	10+	2	CHUYEN 2 PAX CTK3-BK16
2	BK16	2	142	2	11	0	0	5		
3	GTC1	0	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		20	1.364	28	193	2	26	20		
WEIGHT KG			1.364		193		26			

GRAND TOAL: 1.583 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN